

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+BK10+P9	7:25	20+2+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	chuyen 1 rp3-bk10
2		RC6+RC5+RC4	7:25	7+10+5	0+0+0		4+10+6	0+0+0	
3		BK10+BK6	7:25	22+0	0+0		8+14	0+0	
4		P6+RP1	7:25	5+17	0+0		1+18	0+0	
5		RP3+VSP02+CLI	9:25	6+16	0+0		3+18	0+0	chuyen 1 VSP02-CLI
6		BK19+TD1-BK16	9:25	3+18	0+0		0+20	0+0	chuyen 1TD1-BK16
7		RP1	9:25	22	0		16	0	
8		PVD1+VSP02	11:25	4+18	0+0		2+14	0+0	
9		RP3	11:25	22	0		16	0	
10		RCDM+RC6	11:25	20+1	0+0		15+4	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày Rp3-4ng, Rc6-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	TO: RP3 - BK10 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThăng - HTùng - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	RP3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	RP3	11	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUOC KHANH	RP3	17	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	MIKHAILOV	RP3	20	1	3		85	KH-THAC	Russian
5	TRAN DUC THUAN	RP3	13	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUOC KHIEM	RP3	15	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG VAN PHO	RP3	16	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN ANH DONG	RP3	19	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM XUAN HOANG	RP3	14	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
10	DO QUANG TO	RP3	08-09	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO DUC THANH	RP3	18	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG CONG THINH	RP3	12	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CONG SOAI	RP3	07	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG CHUNG THUY	RP3	10	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	PONOMARENKO	RP3					90	KHI	Russian
16	TRAN BINH DUC	RP3					70	KHI	Vietnamese
17	CHAKANOV	RP3					75	KHI	Russian
18	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	06	1	3		82	KHI	Vietnamese
19	KUSHENKO	RP3					125	KHI	Russian
20	PHAM DUY NHIEU	RP3	21	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
21	VOROBIEV SERGEY	BK10	82	1	5	20	100	KHOAN	Russian
22	HOANG VAN TRUNG	BK10	81	1	3		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	PAX	
1	RP3	20	17	85	1.590	0	16 + 1	5	1	CHUYEN 1 PAX RP3-BK10
2	BK10	2	2	8	174	20				
3	P9	0	0	0	0	0				
TOTAL		22	19	93	1.764	20			22	
WEIGHT KG				93	1.764	20				

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETA: 07:45
FLIGHT: 02	TO: RC6 - RCS - RC4	CREW: BUC - Hduc - HTam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG TUYEN	RC6	15	1	8	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAN	RC6	16	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RC6	13	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LA	RC6	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG THANG	RC6					78	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM THI HUONG	RC6					66	NIP1	Vietnamese
7	TRAN VAN LINH	RC6					78	NIP1	Vietnamese
8	CAO THANH HOP	RCS	76	1	5	40	67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HAI	RCS	75	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI QUOC VIET	RCS					80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU TOAN	RCS	82	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH SON	RCS	79-81	3	20		75	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG NHAT THANH	RCS	77-78	2	18		78	KH-THAC	Vietnamese
14	BANG DINH HOA	RCS	73-74	2	13		59	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN TUAN	RCS	70	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI VAN BINH	RCS	71-72	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
17	HO DINH LOC	RCS	69	1	7		82	PSV	Vietnamese
18	TRAN MINH THI	RC4	32	1	7	25	110	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC TU	RC4	09	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU TIEN BINH	RC4	31	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	BANG TRUNG HIEU	RC4	29-30	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN CAO MONG	RC4	28	1	6		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	RC6	7	4	22	536	20	4			
2	RCS	10	14	108	700	40	10			
3	RC4	5	6	36	378	25	6			
TOTAL		22	24	166	1.614	85	20			
WEIGHT KG					166	1.614	85			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK10 - BK6	CREW: TTrung - Duong - Thanh	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY NAM	BK10	22	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN DUOC	BK10	25	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN QUANG HUY	BK10	27	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	CHU DUC AI	BK10	23	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
5	VU NGOC LUAN	BK10					86	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CHIEN THANG	BK10	16	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN TAM	BK10	18	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
8	CAO VAN VIET	BK10	19-20	2	19		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGHIEM XUAN VIET	BK10	21	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN QUANG HIEN	BK10	13	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN KHANG	BK10	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRUONG THE VINH	BK10	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THE HANH	BK10	10	1	13		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUY TAI	BK10	26	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN LINH	BK10	29-30	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM THE QUANG	BK10	33	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DUC SANG	BK10	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN GIA CUONG	BK10	34	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
19	VU THAI THANH	BK10	31-32	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
20	VUONG KIEN QUOC	BK10	14	1	5		82	DVL	Vietnamese
21	NHAM DUC TUAN	BK10	24	1	12		70	DVL	Vietnamese
22	LE NHO CANG	BK10	12	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	BK10	22	24	187	1.562	0	8			
2	BK6	0	0	0	0	0	14			
TOTAL		22	24	187	1.562	0	22			
WEIGHT KG				187	1.562	0				

GRAND TOTAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	TO: P6 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XTường - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P6	45	1	4	10	72	D-HANH	Vietnamese
2	TRINH HOANG NGUYEN	P6	43	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	KYREEV.M	P6	44	1	5		85	NIP1	Russian
4	TRAN KHOA TRUONG	P6	42	1	8		77	NIP1	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG TU	P6	41	1	6	16	66	DUY LINH	Vietnamese
6	LE HUY TAM	RP1	21	1	2	20	58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN BINH	RP1	24	1	8		65	YTE	Vietnamese
8	TRAN TUAN ANH	RP1	25	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGOC LONG	RP1	29-30	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	DO VAN THANH	RP1	20	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRI KHANH	RP1	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NANG	RP1	16	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
13	VU BA NEP	RP1	18-19	2	11		61	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG VU NHAT VINH	RP1	27	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM XUAN TRUONG	RP1	23	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG THONG	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
17	TANG THANH DAN	RP1	28	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH VAN LIEN	RP1	26	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET HUNG	RP1	17	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG TIN	RP1	33	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
21	VO VAN DONG	RP1	31-32	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	P6	5	5	30	363	26			4	
2	RP1	16	18	87	1.133	20			18	
TOTAL		21	23	117	1.496	46			22	
WEIGHT KG					117	1.496			46	

GRAND TOTAL: 1.659 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: RP3 - VSP02 - CLI	CREW: VThang - Son - DTung	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUÝ HAI	RP3	14	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	16-17	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	18	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	19	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	20	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	15	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	65-66	2	10	7	70	KH-THAC	Vietnamese
8	SERGEENKO	VSP02	63	1	8		84	KH-THAC	Russian
9	DUCHENKO	VSP02	64	1	5		130	KH-THAC	Russian
10	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	62	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH THAO	VSP02	28	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH HAI	VSP02	56	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN DAT	VSP02	70-71	2	11		81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	73	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	57	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	72	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
19	GEFMANT M.	VSP02	59	1	5		110	KH-THAC	Russian
20	ĐAO MINH TUÂN	VSP02	67-68	2	12		95	YTE	Vietnamese
21	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	61	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN CHIẾN THANG	VSP02	69	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	REMARK
		DEPARTURE			ARRIVAL				
1	RP3	6	7	45	417	0	3		
2	VSP02	16	17	97	1.291	7	18		CHUYEN 1 PAX VSP02-CLI
3	CLI	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	142	1.708	7	21		
WEIGHT KG				142	1.708	7			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]

[Signature]



VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	TO: BK19 - TDI - BK16	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - Duong - Thanh	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH THANG	BK19	77-78	2	15	20	67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGO TRUNG KIEN	BK19	79-76	2	20	20	75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HUAN	BK19	80-81	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN NHU BANG	TDI	46	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN VIET HUNG	TDI	52	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM CONG TIEN	TDI	42	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN NGUYEN	TDI	43	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
8	HUYENH NGOC BINH	TDI	48	1	10	80	75	KHOAN	Vietnamese
9	QUACH VAN THANG	TDI	47	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN MINH	TDI	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	VU MANH HAI	TDI	49	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH CAO TRONG	TDI	50	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN THUONG VU	TDI	41	1	15		77	KHOAN	Vietnamese
14	DOAN HIEU	TDI	45	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIEN	TDI	53	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	TRUONG QUOC THANG	TDI	57-58	2	18		80	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	TDI	54	1	15		73	DVL	Vietnamese
18	LE VAN THANG	TDI	56	1	13		75	DVL	Vietnamese
19	VU VAN NAM	TDI	55	1	15		66	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN THANH CONG	TDI	44	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	PAX	
1	BK19	3	6	48	222	40	0	0	0	
2	TDI	17	18	139	1.205	80	18	0	0	CHUYEN I PAX TDI-BK16
3	BK16	0	0	0	0	0	0	0	0	
TOTAL		20	24	187	1.427	120	18			
WEIGHT KG					187	1.427	120			

GRAND TOTAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	TO: RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIÊN - XTường - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIẾT BANG	RP1	63	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	BÀNG TRÔNG GIAO	RP1	66	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRÔNG HIẾU	RP1	41	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN HUY	RP1	98	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THAM	RP1	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BUC NHAN	RP1	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	KRAMARENKO V.V.	RP1	35	1	5		75	KH-THAC	Russian
8	PASANOV A.V.	RP1	41	1	5		103	KH-THAC	Russian
9	NGO HUU HUY TU	RP1	40	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BUC HANH	RP1					105	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC DUY	RP1	45	1	10		68	XAY LAP	Vietnamese
12	BUI VAN TUYEN	RP1	43	1	10		55	XAY LAP	Vietnamese
13	NGUYEN VIET DONG	RP1	61	1	3		70	DSNO	Vietnamese
14	LE THI CAM THU	RP1	68	1	5		57	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN MINH BANG	RP1	38	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	VU XUAN TIEN	RP1	36	1	8		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUY QUYEN	RP1	42	1	6		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	64	1	7		62	PSV	Vietnamese
19	PHAM DINH VAN	RP1	60	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	TRAN HIẾP	RP1	37	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN HUNG	RP1	39	1	10		70	DK9	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC DIU	RP1	67	1	3		40	CONG DOA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	PAX		PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	REMARK
		DEPARTURE								
1	RP1	22	21	122	1.553	0		16		
	TOTAL	22	21	122	1.553	0		16		
	WEIGHT KG			122	1.553	0				

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:02
FLIGHT: 08	TO: PVDI - VSP02	CREW: VThang - N.Cuong - Vu	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
-----	---------	-----	-----	-----	-----	-------	--------	---------	--------

1	TRAN VIET HO	PVDI	700	1	17		76	DVL	Vietnamese
2	USATENKO DMITRII	PVDI	97	1	10		100	DVL	Russian
3	LE PHU PHUC	PVDI	96	1	5		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM (CN)	PVDI	98-99	2	18		70	DVL	Vietnamese
5	LE XUAN BINH	VSP02	75	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	84	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TRONG TUAN	VSP02	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUYET	VSP02	78	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI XUAN TIEN	VSP02	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU THAI SON	VSP02	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HA MANH THANG	VSP02	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM DUY QUANG	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI HUY BINH	VSP02	87	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	TO VAN HUNG	VSP02	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH DUONG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
16	BO TRUNG DUNG	VSP02	80	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
17	VO TAN LINH	VSP02	82	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HUU TRI	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TUNG DUONG	VSP02	77	1	5		56	ANTOAN	Vietnamese
20	VO XUAN TOAN	VSP02	74	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUAN	VSP02	83	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN CUONG	VSP02	85	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	PVDI	4	5	50	321	0	2	14		
2	VSP02	18	15	80	1.221	0	16			
TOTAL		22	20	130	1.542	0				
WEIGHT KG				130	1.542	0				

GRAND TOTAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	TO: RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - MQUAN -	ETA: 13:45
XANH-3		TU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG HAI HA	RP3	25	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU TRUONG GIANG	RP3	30	1	5		70	APAVE	Vietnamese
3	LE CONG HUNG	RP3	33	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU MAU	RP3	31	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VO THANH LAM	RP3	26	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUOC CHE	RP3	39	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH QUANG THANH	RP3	27	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH TAN NGON	RP3	34	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HIEN	RP3	37	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH HO	RP3	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU QUANG HUNG	RP3	32	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH KIET	RP3	38	1	16		72	XAY LAP	Vietnamese
13	NGUYEN MANH KHOAN	RP3	42	1	6		58	NIP1	Vietnamese
14	LE NGUYEN	RP3	41	1	8	15	80	NIP1	Vietnamese
15	NGUYEN VAN VY	RP3	23	1	7		67	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	29	1	4		65	PSV	Vietnamese
17	TRAN THANH HAI	RP3	22	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	BUI QUOC DUONG	RP3	28	1	3		52	PSV	Vietnamese
19	HA TAN DUOC	RP3	24	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	HOANG PHUC	RP3	44	1	5		67	PVGAS	Vietnamese
21	BUI VAN TUAN	RP3	43	1	6	73	74	PVGAS	Vietnamese
22	CAO VAN MANH	RP3	35-36	2	26		70	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	DEPARTURE		ARRIVAL	REMARK
							PAX	CARGO		
1	RP3	22	23	158	1.516	88			17	ANG TANG VAN TU (CGT)
	TOTAL	22	23	158	1.516	88			17	
	WEIGHT KG			158	1.516	88				

GRAND TOTAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: RCDM - RC6	CREW: TUYEN - DNam - HIEU	ETA: 13:50
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
-----	---------	-----	-----	-----	-----	-------	--------	---------	--------

1	HOANG HUU SON	RCDM	68	1	5				Vietnamese
2	TRAN BUI NAM	RCDM	62	1	5				Vietnamese
3	TO TIEN DUNG	RCDM	61	1	7				Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RCDM	67	1	7				Vietnamese
5	PHAN XUAN THANH	RCDM	85	1	10				Vietnamese
6	VU DINH DAI	RCDM	69-70	2	18				Vietnamese
7	DUONG MANH PHU	RCDM	78	1	13				Vietnamese
8	NGO VAN BAC	RCDM	77	1	8				Vietnamese
9	NGUYEN DUC ANH	RCDM	84	1	12				Vietnamese
10	NGO VAN TINH	RCDM	75-76	2	18				Vietnamese
11	BUI THAI SON	RCDM	79	1	18				Vietnamese
12	TRINH MINH DUC	RCDM	86-87	2	13				Vietnamese
13	NGUYEN QUANG LUAN	RCDM	73-74	2	19				Vietnamese
14	PHAM THANH TRUNG	RCDM	65-66	2	20	40			Vietnamese
15	BUI HUU LOI	RCDM	80-81	2	19				Vietnamese
16	VU HONG PHONG	RCDM	82-83	2	13				Vietnamese
17	NGUYEN VAN CHIEN	RCDM	88	1	15				Vietnamese
18	HO XUAN HOAN	RCDM	71-72	2	20				Vietnamese
19	HO TRONG BANG	RCDM	64	1	4				Vietnamese
20	NGUYEN XUAN ANH	RCDM	63	1	5				Vietnamese
21	KIEU MINH QUYET	RC6	03	1	5	20	63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	RCDM	20	28	249	1.402	40	15			
2	RC6	1	1	5	63	20	4			
TOTAL		21	29	254	1.465	60	19			
WEIGHT KG					254	1.465	60			

GRAND TOTAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN